

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH K

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2022/HS-ST

Ngày: 29/9/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Y Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phương và Ông Nguyễn Văn Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Khuất Thế Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh K xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 10/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

- A N (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 05 tháng 6 năm 1994 tại tỉnh K; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn 02/12; Dân tộc: Giẻ Triêng; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A Phát (đã chết) và bà Y Nếp sinh năm 1966; Bị cáo là con cả trong gia đình có sáu anh em, nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Ông A L; sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Văn T; sinh năm: 1982; Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

+ Bà Cao Thị D; sinh năm: 1982; Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K
(Có mặt tại phiên tòa)

- Người làm chứng:

+ Ông A T; sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

+ Ông Hoàng Trung T; sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 04/5/2022, sau khi nhìn thấy A L (*Sinh năm: 1986; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K*) dắt 03 (Ba) con bò đi chăn thả thì A N (*Sinh năm: 1994; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K*) nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài nên theo dõi. Khi thấy A L cột bò tại bãi đất sát bờ suối Đăk Long thuộc thôn Đ thì A N đã lén lút mở dây, dắt trộm một con bò đi theo đường liên thôn Đ – Đăk Tum – K để tìm nơi bán bò; khi A N dắt con bò đi thì có một con bò con đi theo (*Đây là con của con bò A N đang dắt đi*). Đến khoảng 08 giờ 15 phút cùng ngày, A L quay lại vị trí cột bò để kiểm tra thì phát hiện mất hai con bò nên đã trình báo sự việc cho Công an xã Đ và báo cho A T (*Sinh năm: 1984; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K; là Thôn trưởng thôn Đ*) biết và nhờ đi tìm. Sau đó, A T thông báo cho một số người dân cùng đi tìm kiếm.

Khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, A N dắt bò đi đến khu vực giáp ranh giữa thôn Đăk Tum với thôn K (*Gần cổng chào thôn Đăk Tum*) thì thấy ông Lê Văn T (*Sinh năm: 1982; trú tại: thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K*) đang bán hàng tại nhà nên đã dắt bò đến buộc ở hông bên trái nhà ông T và hỏi “có mua bò không?”. Thấy vậy, ông T trả lời “có” và hỏi nguồn gốc của 02 (Hai) con bò thì A N trả lời là “bò của A N, bán để lấy tiền làm nhà”. Ông T hỏi tiếp là “bán bò bao nhiêu tiền?”, A N trả lời “30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*)”. Lúc này, bà Cao Thị D (*Sinh năm: 1982; là vợ ông T*) từ trong nhà đi ra và nói “Cặp bò này chỉ mười lăm triệu thôi”, A N không đồng ý và nói giá 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) thì bán nên vợ chồng ông T, bà D không mua. Sau đó, A N tiếp tục ngồi uống nước tại nhà ông T. Khoảng 10 phút sau, ông A T đi ngang qua phát hiện 02 (Hai) con bò tại nhà ông T, nghi là bò của ông A L bị mất nên đã vào gặp ông T nói rõ sự việc và báo Công an xã Đ đến xử lý.

Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 06/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: Tổng giá trị của 02 con bò là **28.166.667đ** (*Hai mươi tám triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu bảy đồng*).

Về vật chứng: 02 con bò (Một con bò mẹ, một con bò con) hiện đã trả lại cho A L là chủ sở hữu quản lý, nuôi dưỡng.

Bị hại ông A L không yêu cầu A N bồi thường gì.

Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 30/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tỉnh K truy tố bị cáo A N về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại Khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 13 (mười ba) đến 16 (mười sáu) tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, do đó đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại 02 (hai) con bò (Một con bò mẹ, một con bò con) cho bị hại A L để đem về chăm sóc nuôi dưỡng nên không đề cập.

- Về trách nhiệm dân sự: A L không yêu cầu A N bồi thường gì.

- Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của viện kiểm sát đã quy kết và không tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị

hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị hại ông A L, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T, những người làm chứng ông Hoàng Trung T, ông A T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, tại Cơ quan điều tra đã có lời khai có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng tới quá trình xét xử. Do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy có đủ cơ sở xác định: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, nên vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 04/5/2022, sau khi nhìn thấy A L dắt 03 (Ba) con bò đi chăn thả thì A N nảy sinh ý định trộm cắp nên theo dõi. Khi thấy A L cột bò tại bãi đất sát bờ suối Đăk Long thuộc thôn Đ thì A N đã lén lút trộm cắp hai con bò của A L có giá trị là 28.166.667đ (*Hai mươi tám triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu bảy đồng*). Như vậy, có đủ cơ sở xác định hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do chính hành vi của bị cáo gây ra. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[3] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt HĐXX căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt;
- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tích cực cải tạo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, do vậy HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại 02 (hai) con bò (Một con bò mẹ, một con bò con) cho bị hại A L để đem về chăm sóc nuôi dưỡng nên không đề cập.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, người bị hại ông A L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên HĐXX không đề cập đến.

[7] Đối với ông Lê Văn T và bà Cao Thị D: Quá trình điều tra xác định, khi trao đổi mua bán hai con bò ông T đã hỏi A N về nguồn gốc hai con bò thì được A N nói hai con bò của A N đem bán để lấy tiền làm nhà; ông T, bà D không nghi ngờ gì và hoàn toàn không biết đây là hai con bò do A N trộm cắp được và mang đi bán. Đồng thời, tại thời điểm phát hiện, vợ chồng ông chưa mua vì không thống nhất được giá cả. Do đó, không có cơ sở xem xét trách nhiệm đối với ông T, bà D.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

T bố: Bị cáo A N đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo A N 13 (mười ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo A N phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án sơ thẩm (29/9/2022). Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh K;
- VKSND huyện Đ;
- VKSND Tỉnh K;
- Cơ quan điều tra – Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Trình